

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày 21/02/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán Chủ tọa phiên Tòa: Bà Phạm Thị Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:***
Bà Mai Văn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hải T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Đ1 có trụ sở tại B, đường C, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm đại diện, theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 về việc ký hợp đồng và thẩm quyền tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hữu Đ (Văn bản ủy quyền số 703/GUQ-CNĐN ngày 18/10/2024)

Địa chỉ: B, đường C, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** ông **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 3, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Trần Hữu Đ có đơn xin vắng mặt và Nguyễn Quốc C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Trần Hữu Đ trình bày:

Ngày 30/9/2022, Ông Nguyễn Quốc C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 193/2022/T9 ngày 30/9/2022 loại thẻ (JCB Classic số 356480 - 5684). Căn cứ thu nhập của Ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng Ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.084.800 đồng.

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 15/11/2022 đến 15/07/2023, Ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 60.990.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang W). Qua thời gian sử dụng thẻ Ông C đã không thanh toán thêm cho Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đã làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng Ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 21/02/2025, Ông C còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc:	32.589.727 đồng
+ Phí trễ hạn:	301.996 đồng
+ Lãi:	24.603.562 đồng
+ Phí vượt hạn mức:	55.868 đồng
+ Phí sử dụng thẻ:	299.000 đồng
Tổng cộng:	57.850.153 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Ông C1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Ông C1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc C đã được tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông C tham gia các buổi làm việc, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C. Do đó,

Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của ông C để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Trần Hữu Đ đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo đúng giấy triệu tập của Tòa án.

Ông Nguyễn Quốc C trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc ông Nguyễn Quốc C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là: 57.850.153 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc:	32.589.727 đồng
+ Phí trễ hạn:	301.996 đồng
+ Lãi:	24.603.562 đồng
+ Phí vượt hạn mức:	55.868 đồng
+ Phí sử dụng thẻ:	299.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Quốc C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, đồng thời qua xác minh tại Công an phường T, thành phố B thì ông Nguyễn Quốc C có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 3, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với địa chỉ tại hợp đồng tín dụng mà ông C đã ký. Do đó, căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Về sự có mặt của đương sự: Ông Nguyễn Quốc C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông C vẫn không đến Tòa làm việc, tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời căn cứ vào lời khai và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 79 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 57.850.153 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: nợ gốc là 32.589.727 đồng; Phí trễ hạn: 301.996 đồng; Lãi: 24.603.562 đồng; P vượt hạn mức: 55.868 đồng; P sử dụng thẻ: 299.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.1.1] Về yêu cầu số tiền gốc, xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 193/2022/T9 ngày 30/9/2022 loại thẻ (JCB Classic số 356480 - 5684). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng Ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.084.800 đồng. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 193/2022/T9 ngày 30/9/2022 loại thẻ (JCB Classic số 356480 - 5684).

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 15/11/2022 đến 15/07/2023, Ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 60.990.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang W).

Qua thời gian sử dụng thẻ Ông C đã không thanh toán thêm cho Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đã làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng Ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho ông C biết về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông C phải trả nợ nhưng ông C không có ý kiến, nên Tòa án căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 193/2022/T9 ngày 30/9/2022 loại thẻ (JCB Classic số 356480 - 5684) và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy, ông Nguyễn Quốc C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc C phải thanh toán toàn bộ vốn gốc, lãi là: 57.850.153 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng) cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi:

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các Tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi được cấp tín dụng, đến tháng 7/2023 ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông Nguyễn Quốc C phải thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 21/02/2025 tổng số tiền là 57.850.153 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc:	32.589.727 đồng
+ Phí trễ hạn:	301.996 đồng
+ Lãi:	24.603.562 đồng
+ Phí vượt hạn mức:	55.868 đồng
+ Phí sử dụng thẻ:	299.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

Chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Quốc C phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 15.000.000 đồng. Ngân hàng thương mại Cổ Phần S đã nộp tạm ứng trước số tiền trên. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc C phải chịu án phí theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 180, Điều 203, 227, Điều 228, Điều 266, 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 229, Điều 320, Điều 324, Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Quốc C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày 21/02/2025 là tổng số tiền 57.850.153 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Trong đó:

+ Nợ gốc: 32.589.727 đồng

+ Phí trễ hạn: 301.996 đồng

+ Lãi: 24.603.562 đồng

+ Phí vượt hạn mức: 55.868 đồng

+ Phí sử dụng thẻ: 299.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

Kể từ ngày 22/02/2025, ông Nguyễn Quốc C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/9/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong.

Chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Quốc C phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 15.000.000 đồng Ngân hàng thương mại Cổ Phần S đã nộp tạm ứng trước số tiền trên. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc C phải chịu án phí là 2.892.508 đồng (Hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn, năm trăm lẻ tám đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.024.350 đồng (Một triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003443 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bảy